

Số: 397/BC-UBND

Lai Châu, ngày 26 tháng 11 năm 2021

## BÁO CÁO

**Tình hình quản lý, sử dụng biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hội có tính chất đặc thù năm 2021; Kế hoạch biên chế công chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính và biên chế trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Lai Châu năm 2022**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế; số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức.

Căn cứ Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định hội có tính chất đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 1028/QĐ-BNV ngày 30/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Lai Châu năm 2022;

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh báo cáo tình hình quản lý, sử dụng biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hội có tính chất đặc thù năm 2021; Kế hoạch biên chế công chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính và biên chế trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Lai Châu năm 2022, như sau:

**A. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2021**  
**I. TÌNH HÌNH GIAO BIÊN CHẾ, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC**  
**NĂM 2021**

**1. Biên chế công chức hành chính**

- Bộ Nội vụ giao: 1.871 biên chế (*Quyết định số 776/QĐ-BNV ngày 12/10/2020; Quyết định số 701/QĐ-BNV ngày 05/6/2021*).

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo giao cho các cơ quan, đơn vị: 1.829 biên chế (*Thông báo số 17-TB/TU ngày 25/11/2020; Thông báo số 198-TB/TU ngày 29/6/2021*).

- Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh, UBND tỉnh quyết định giao: 1.829 biên chế<sup>(1)</sup>. Còn 42 biên chế để thực hiện tinh giản biên chế năm 2022.

**2. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp**

- Bộ Nội vụ thẩm định giao: 15.478 người (*tại Công văn số 4455/BNV-TCBC ngày 27/8/2020; bao gồm đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên*).

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo giao cho các cơ quan, đơn vị: 15.809 người<sup>(2)</sup>.

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh quyết định giao: 15.809 người<sup>(3)</sup>, gồm: Số lượng người làm việc trong đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: 15.475 người và tỉnh phê duyệt cho đơn vị tự chủ chi thường xuyên: 334 người.

Còn 03 biên chế trong đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên để thực hiện tinh giản biên chế năm 2022.

**3. Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP**

**3.1. Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính**

- Bộ Nội vụ thẩm định: 115 người (*tại Công văn số 6359/BNV-TCBC ngày 17/12/2019 và Quyết định số 701/QĐ-BNV ngày 05/6/2021*).

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo giao cho các cơ quan, đơn vị: 114 người (*tại Thông báo số 17-TB/TU ngày 25/11/2020; Thông báo số 198-TB/TU ngày 29/6/2021*).

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh quyết định: 114 người<sup>(4)</sup>. Còn 01 người để thực hiện tinh giản biên chế năm 2022.

<sup>1</sup> Tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 13/12/2020; Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh.

<sup>2</sup> Tại Thông báo số 17-TB/TU ngày 25/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

<sup>3</sup> Tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh.

<sup>4</sup> Tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 13/12/2020; Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh.

### **3.2. Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập**

- Bộ Nội vụ thẩm định 1.098 người (gồm đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên).

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo giao cho các cơ quan, đơn vị: 1.104 người (gồm đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: 1.094 người và đơn vị tự chủ chi thường xuyên: 10 người).

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh quyết định: 1.104 người (gồm đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên 1.094 người; đơn vị tự chủ chi thường xuyên 10 người).

Còn 04 người để thực hiện tinh giản biên chế năm 2022 (trong đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên).

#### **4. Biên chế của các Hội có tính chất đặc thù**

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo giao cho các Hội: 76 người<sup>(5)</sup>.

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh quyết định: 76 người<sup>(6)</sup>.

## **II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN CHẾ TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, CÁC TỔ CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ NĂM 2021**

### **1. Việc xây dựng đề án vị trí việc làm, thực hiện tinh giản biên chế**

#### **1.1. Việc xây dựng đề án vị trí việc làm**

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị rà soát, xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP (sau khi có hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương)<sup>(7)</sup>. Tuy nhiên, đến nay Bộ, ngành Trung ương chưa ban hành hướng dẫn về xác định cơ cấu ngạch công chức;

<sup>5</sup> Tại Thông báo số 17-TB/TU ngày 25/11/2020; Thông báo số 198-TB/TU ngày 29/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao bổ sung 01 biên chế cho Hội Luật gia.

<sup>6</sup> Tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 13/12/2020; Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1895/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh.

<sup>7</sup> Công văn số 1125/UBND-TH ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Công văn số 188/VPCP-TCCV của Văn phòng Chính phủ.

hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ Trung ương đến địa phương; vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung nên khó khăn trong công tác rà soát, phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm của tỉnh.

## **1.2. Việc thực hiện tinh giản biên chế**

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế, UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện tinh giản biên chế theo từng năm, giai đoạn 2015 - 2021; phê duyệt đề án tinh giản biên chế cho 37/49 cơ quan, đơn vị (*một số đơn vị mới thành lập giao biên chế tối thiểu để thực hiện chức năng, nhiệm vụ và một số tổ chức hội biên chế giao ít từ 1 đến 5 biên chế nên không xây dựng đề án tinh giản biên chế*).

Năm 2021, UBND tỉnh giao giảm 376 biên chế công chức hành chính, người làm việc, hợp đồng lao động cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh (*so với số giao năm 2020 biên chế công chức hành chính giảm 39; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập giảm 316; hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập giảm 24; hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính tăng 03*) trong đó thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP cho 46 người nâng tổng số nghỉ tinh giản biên chế lên lên 585 người<sup>(8)</sup> và nâng tổng số biên chế, người làm việc, hợp đồng lao động giao giảm so với số Bộ Nội vụ giao, thẩm định năm 2015 là 2.063<sup>(9)</sup>.

Việc thực hiện tinh giản biên chế đã góp phần làm tinh gọn bộ máy và nâng cao chất lượng, hiệu quả làm việc và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

---

<sup>8</sup> Các cơ quan hành chính 35 người; đơn vị sự nghiệp công lập 338 người, hội 03 người; cán bộ, công chức cấp xã 209 người. Năm 2016 tinh giản được 95 người; năm 2017 tinh giản được 86 người; năm 2018 tinh giản được 117 người; năm 2019 tinh giản được 113 người; năm 2020 tinh giản được 128 người; năm 2021 tinh giản được 46 người.

<sup>9</sup> Trong đó: biên chế công chức hành chính giảm 210 (đạt 10,09%); số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp 1.720 (đạt 10%); hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp 122 (đạt 10%); hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính 11 người (đạt 8,73%).

**2. Việc sử dụng biên chế công chức; số lượng người làm việc; hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP và biên chế trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù (tính đến 01/10/2021)**

**2.1. Biên chế công chức hành chính**

Tổng số cán bộ, công chức có mặt 1.588 người/1.829 biên chế công chức được giao, bằng 86,82% so với biên chế giao, trong đó:

- Nữ 586 người, chiếm 36,90%;
- Dân tộc thiểu số 413 người, chiếm 26%.
- Trình độ chuyên môn: Trên đại học 275 người, chiếm 17,31%; đại học 1.249 người, chiếm 78,65%; cao đẳng 11 người, chiếm 0,69%; trung cấp 52 người, chiếm 3,27%; còn lại 01 người, chiếm 0,06%.
- Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân 08 người, chiếm 0,50%; cao cấp 419 người, chiếm 26,39%; trung cấp 694 người, chiếm 43,70%.
- Đã học quản lý nhà nước chương trình: Chuyên viên cao cấp 28 người, chiếm 1,76%; chuyên viên chính 445 người, chiếm 28,02%; chuyên viên và tương đương 1.049 người, chiếm 66,05%.
- Trình độ tin học: Đại học 16 người, chiếm 1%; cao đẳng 05 người, chiếm 0,31%; trung cấp 16 người, chiếm 1%; chứng chỉ 1.529 người, chiếm 96,28%.
- Trình độ ngoại ngữ: Đại học 21 người, chiếm 1,32%; cao đẳng 09 người, chiếm 0,56%; chứng chỉ 1.500 người, chiếm 94,45%.

*(Có Phụ lục I kèm theo)*

**2.2. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp**

Tổng số người làm việc có mặt 14.760 người/15.809 số lượng người làm việc được giao, bằng 93,36% so với số đã giao, trong đó:

- Nữ 9.672 người, chiếm 65,50%.
- Dân tộc thiểu số 5.383 người, chiếm 36,5%.
- Trình độ chuyên môn: Trên đại học 339 người, chiếm 2,30%; đại học 8.540 người, chiếm 57,86%; cao đẳng 2.731 người chiếm 18,50%; trung cấp 2.971 người, chiếm 20,13%; còn lại 179 người, chiếm 1,21%.
- Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân 04 người, chiếm 0,03%; cao cấp 177 người, chiếm 1,20 %; trung cấp 2.381 người, chiếm 16,13%.
- Đã học quản lý nhà nước chương trình: Chuyên viên cao cấp 08 người, chiếm 0,05%; chuyên viên chính và tương đương 286 người, chiếm 1,93%; chuyên viên và tương đương 2.185 người, chiếm 14,8%.

- Trình độ tin học: Đại học 116 người, chiếm 0,78%; cao đẳng 125 người, chiếm 0,84%; trung cấp 39 người, chiếm 0,26%; chứng chỉ 13.416 người, chiếm 90,89%.

- Trình độ ngoại ngữ: Đại học 206 người, chiếm 1,39%; cao đẳng 93 người, chiếm 0,63%; chứng chỉ 11.207 người, chiếm 75,92%.

*(Có Phụ lục II kèm theo)*

### **2.3. Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP**

- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính: Tổng số người có mặt 112 người/114 hợp đồng lao động được giao, bằng 98,24% so với số đã giao, trong đó:

+ Nữ 18 người, chiếm 16,07%.

+ Dân tộc thiểu số 25 người, chiếm 22,3%.

+ Trình độ chuyên môn: Đại học 18 người, chiếm 16,07%; Cao đẳng 01 người, chiếm 0,89%; trung cấp 11 người, chiếm 9,82%; chưa qua đào tạo 82 người, chiếm 73,21%.

- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp: Tổng số người có mặt 1.047 người/1.104 hợp đồng lao động được giao, bằng 94,83% so với số đã giao, trong đó:

+ Nữ 414 người, chiếm 39,54%.

+ Dân tộc thiểu số 495 người, chiếm 47,3%.

+ Trình độ chuyên môn: Đại học 41 người, chiếm 3,92%; cao đẳng 18 người chiếm 1,72%; trung cấp 96 người, chiếm 9,17%; chưa qua đào tạo 892 người, chiếm 85,20%.

*(Có Phụ lục III kèm theo)*

### **2.4. Biên chế trong các tổ chức Hội có tính chất đặc thù**

Tổng số người làm việc có mặt 75 người/76 biên chế được giao, bằng 98,68% so với số được giao, trong đó:

- Nữ: 43 người chiếm 57,33%.

- Dân tộc thiểu số: 17 người chiếm 22,67%.

- Trình độ chuyên môn: Trên đại học 10 người, chiếm 13,33%; đại học 60 người, chiếm 80%; cao đẳng 01 người chiếm 1,33%; trung cấp 01 người, chiếm 1,33%; chưa qua đào tạo 03 người, chiếm 4%.

- Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân 01 người, chiếm 1,33%; cao cấp 24 người, chiếm 32%; trung cấp 30 người, chiếm 40%.

- Đã học quản lý nhà nước chương trình: Chuyên viên cao cấp 04 người, chiếm 5,33%; chuyên viên chính 15 người, chiếm 20%; chuyên viên và tương đương 47 người, chiếm 62,66%.

- Trình độ tin học: Đại học 01 người, chiếm 1,33%; trung cấp 02 người, chiếm 2,66%; chứng chỉ 69 người, chiếm 92%.

- Trình độ ngoại ngữ: Đại học 06 người, chiếm 8%; chứng chỉ 63 người, chiếm 84%.

*(Có Phụ lục IV kèm theo)*

### **3. Việc tuyển dụng công chức, viên chức**

UBND tỉnh tổ chức tuyển dụng viên chức đối với sinh viên cử tuyển ngành Y tế cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh; tổ chức tiếp nhận vào làm công chức. Kết quả, đến tháng 10/2021, tuyển dụng 43 viên chức/55 chỉ tiêu, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức 47 người, trong đó:

- Tuyển dụng 43 viên chức ngành y tế:

+ Nữ 18 người (41,86%).

+ Dân tộc thiểu số 42 người (97,67%).

+ Trình độ chuyên môn: Đại học 42 người (97,67%); trung cấp 01 người (2,33%).

- Tiếp nhận vào làm công chức, viên chức: 47 người (công chức: 45 người; viên chức: 02 người.)

Hiện nay, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ tham mưu xây dựng phương án tổ chức tuyển dụng giáo viên năm học 2020 - 2021 và tuyển dụng công chức năm 2021.

Việc tổ chức tuyển dụng viên chức ngành Y tế, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức được thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật. Viên chức, công chức được tuyển dụng, tiếp nhận có trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng các yêu cầu của vị trí tuyển dụng.

### **4. Việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị khảo sát, đánh giá thực trạng chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; trên cơ sở quy hoạch cán bộ, rà soát tiêu chuẩn cụ thể từng chức danh để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm đảm bảo sát với yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị. Đã ban hành Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021; Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 14/6/2021; Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 về phê duyệt bổ sung kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021 và Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 về phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022.

Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố đã chủ động xây dựng kế hoạch mở lớp, quy định rõ đối tượng, mục tiêu và nội dung đào tạo, bồi dưỡng; đồng thời, đề xuất việc liên kết với các cơ sở đào tạo mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo hướng đa dạng hóa các loại hình đào tạo tập trung, không tập trung, vừa học vừa làm, học ngoài giờ hành chính,... tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức có cơ hội học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị; phối hợp chặt chẽ với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; thường xuyên quan tâm, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập của các lớp; tổ chức, thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đã được phê duyệt. Sau mỗi khóa học, đều tổ chức đánh giá chất lượng đối với cơ sở đào tạo và đối với học viên. Kết quả, cử đi học sau đại học 35/35 người (đạt 100% kế hoạch); đại học 19/19 người (đạt 100% kế hoạch); bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương 08 người; thanh tra viên chính 01 người; bồi dưỡng lãnh đạo cấp sở 01 người; bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý tài nguyên và môi trường 01 người. Mở 51/51 lớp đào tạo, bồi dưỡng chức vụ lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; bồi dưỡng theo vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành (đạt 100% kế hoạch).

### **5. Công tác bổ nhiệm công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý**

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo thực hiện dựa trên nhu cầu thực tiễn tại các cơ quan, đơn vị, trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện sáp nhập, hợp nhất tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, số lượng cấp phó một số phòng, đơn vị thuộc Sở cao hơn so với quy định; đồng thời có giải pháp điều chuyển, sắp xếp lại số lượng cấp phó trong thời hạn tối đa 3 năm kể từ ngày sáp nhập để đảm bảo số lượng cấp phó theo quy định.

Từ 01/01/2021 đến 01/10/2021, UBND tỉnh đã ban hành quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động và bổ nhiệm, tiếp nhận và bổ nhiệm, luân chuyển và bổ nhiệm, kéo dài thời gian giữ chức vụ, giao nhiệm vụ cho 59 công chức, viên chức<sup>(10)</sup>; thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động và bổ nhiệm, luân chuyển và bổ nhiệm 372 công chức, viên chức<sup>(11)</sup>. Việc bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý cấp trưởng và bổ nhiệm lại cấp phó thực hiện theo quy định. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động và bổ nhiệm, luân chuyển và bổ nhiệm đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị và quản lý nhà nước theo quy định của vị trí, chức vụ được bổ nhiệm.

<sup>10</sup> Bổ nhiệm 20 công chức; bổ nhiệm lại 19 công chức; điều động và bổ nhiệm 13 công chức, viên chức; luân chuyển và bổ nhiệm 01 công chức; giao nhiệm vụ 03 công chức; kéo dài thời gian giữ chức vụ 02 công chức; tiếp nhận và bổ nhiệm 01 công chức.

<sup>11</sup> Bổ nhiệm mới 73; bổ nhiệm lại 137; điều động và bổ nhiệm 144; luân chuyển và bổ nhiệm 18.



## **6. Việc kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức**

Việc kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức. Từ 01/10/2020 đến 30/9/2021, lãnh đạo các sở, ngành, huyện, thành phố đã quyết định kỷ luật 37 cán bộ, công chức, viên chức (*trong đó khiển trách 25, cảnh cáo 04, cách chức 01, buộc thôi việc 06, hạ bậc lương 01*).

## **7. Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức**

Việc bổ nhiệm ngạch, chuyển ngạch công chức, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức; cử công chức, viên chức dự thi nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thực hiện kịp thời, đảm bảo theo quy định. Năm 2021, cử 06 viên chức tham dự thi thăng hạng ngành tài nguyên môi trường, cử 09 viên chức thi thăng hạng bác sĩ chính; quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cho 11 bác sĩ chính; quyết định miễn nhiệm 04 thanh tra viên, quyết định bổ nhiệm 14 thanh tra viên; nâng ngạch chuyên viên chính cho 01 công chức; nâng ngạch chuyên viên cao cấp cho 03 công chức sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ. UBND tỉnh ban hành đề án xét thăng hạng y tế năm 2021 và tổ chức xét thăng hạng y tế.

Việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, nâng mức hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung thực hiện đảm bảo đúng đối tượng, số người nâng bậc lương trước thời hạn đảm bảo tỷ lệ không quá 10% trong tổng biên chế của cơ quan, đơn vị. Từ 01/01/2021 đến 30/10/2021, UBND tỉnh quyết định nâng lương diện UBND tỉnh cho 50 công chức, viên chức; nâng lương cho 54 cán bộ, công chức diện Tỉnh ủy quản lý; quyết định nghỉ hưu 04 công chức, quyết định nghỉ hưu trước tuổi do không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm cho 01 công chức; quyết định nâng lương trước thời hạn cho 01 chuyên viên cao cấp sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ. Việc trả lương, các chế độ khác (phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp chức vụ lãnh đạo...) đối với công chức, viên chức do các cơ quan, đơn vị chi trả đảm bảo đầy đủ, kịp thời trong nguồn kinh phí được cấp hàng năm.

Giải quyết cho 174 công chức, viên chức chuyển công tác ra ngoài tỉnh theo quy định (trong đó công chức 06; viên chức 168).

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

Việc giao biên chế, quản lý và sử dụng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; số người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập; biên chế trong các tổ chức hội đặc thù của tỉnh thực hiện đúng quy định, thẩm quyền; đảm bảo không vượt so với tổng biên chế được Bộ Nội vụ giao, thẩm định.

Thực hiện tốt các Nghị quyết của Trung ương về sắp xếp, tinh gọn bộ máy; quyết liệt trong việc sáp nhập, giải thể các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp. Tổ chức bộ máy từ tỉnh đến cơ sở từng bước được sắp xếp, kiện toàn theo hướng giảm bớt đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Công tác tuyển dụng viên chức được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, thủ tục, không tuyển dụng vượt biên chế được giao.

Việc bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý được thực hiện đúng quy trình, công khai, minh bạch. Công chức được bổ nhiệm đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Số lượng cấp phó ở các cơ quan, tổ chức hành chính cơ bản thực hiện đúng quy định của cấp có thẩm quyền.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và việc giải quyết các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức như: nâng ngạch, thăng hạng, chuyển loại, nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, công nhận hết tập sự và bổ nhiệm vào ngạch,... đảm bảo theo quy định của pháp luật; việc xem xét, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo công khai, dân chủ, nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật, góp phần quan trọng vào việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

## **2. Khó khăn, vướng mắc**

Việc tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức (ngành giáo dục và đào tạo) theo kế hoạch năm 2020 còn chậm.

Việc sắp xếp một số đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ và rà soát, sửa đổi vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP còn khó khăn, vướng mắc.

Còn một số công chức, viên chức vi phạm bị xử lý kỷ luật.

## **3. Nguyên nhân**

Năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp nên chưa tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức ngành giáo dục và đào tạo theo kế hoạch năm 2020.

Đến nay, còn nhiều Bộ, ngành Trung ương chưa có tiêu chí cụ thể phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực theo thẩm quyền và danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành, lĩnh vực; chưa ban hành hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chi cục thuộc sở; hướng dẫn thực hiện chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở theo ngành, lĩnh vực quản lý nên khó khăn trong quá trình thực hiện sắp xếp do số lượng các đơn vị chưa đáp ứng số lượng người làm việc tối thiểu quy định lớn. Chưa ban hành hướng dẫn về xác định cơ cấu ngạch công chức; hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương; vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung.

#### **IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NĂM 2022**

1. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đẩy mạnh thực hiện việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định nhằm tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối, tiết kiệm biên chế, nâng cao hiệu quả hoạt động.

2. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ nhằm tinh gọn bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể, gắn đánh giá với việc bình xét các phong trào thi đua và hình thức khen thưởng.

3. Tập trung chỉ đạo việc tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh theo cơ cấu vị trí việc làm, số lượng biên chế, số lượng người làm việc được giao. Tổ chức các kỳ thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng viên chức theo đúng quy định.

4. Thực hiện điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức; quy định về tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước sau khi có hướng dẫn của bộ, ngành trung ương.

5. Tiếp tục thực hiện tốt công tác khảo sát, xây dựng kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện có; rà soát chất lượng đội ngũ cán bộ, trên cơ sở đó, mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn hoặc cử đi đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm, tình hình thực tiễn địa phương, góp phần từng bước nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong phạm vi toàn tỉnh.

#### **B. KẾ HOẠCH GIAO BIÊN CHẾ NĂM 2022**

##### **I. NGUYÊN TẮC GIAO**

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cấp, từng ngành, từng địa phương trong xây dựng và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; nhất là các chủ trương của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Gắn với việc rà soát, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong của các cơ quan, đơn vị. Năm 2022, trên cơ sở biên chế công chức được giao của Bộ Nội vụ chưa thực hiện tinh giản biên chế năm 2022 của tỉnh Lai Châu, do vậy, trước mắt giữ nguyên biên chế của các cơ quan và bổ sung biên chế cho các cơ quan, tổ chức bổ sung chức năng, nhiệm vụ trong nguồn biên chế dự phòng của tỉnh. Sau khi có lộ trình tinh giản biên chế các năm tiếp theo sẽ thực hiện theo quy định của trung ương.

## II. PHƯƠNG ÁN GIAO

### 1. Biên chế công chức hành chính

Bộ Nội vụ quyết định giao chỉ tiêu biên chế công chức năm 2022 là 1.871 biên chế<sup>12</sup>; giữ nguyên so với số giao năm 2021. UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh cho ý kiến giao biên chế công chức hành chính năm 2022 là 1.836/1.871 biên chế, trong đó:

- Giữ nguyên 1.829 biên chế của 18 sở, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố so với số đã giao năm 2021.

- Tăng 07 biên chế so với số đã giao năm 2021 của các cơ quan, đơn vị, cụ thể:

(1) Sở Giao thông vận tải tăng 04 biên chế, sau khi được bổ sung Sở Giao thông vận tải có 55 biên chế. **Lý do:** Do tổ chức lại Thanh tra Sở Giao thông, tăng 01 đội thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định về hoạt động đường thủy nội địa thuộc phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật theo Thông báo số 252-TB/TU ngày 01/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức bộ máy.

(2) Thanh tra tỉnh bổ sung 01 biên chế, sau khi được bổ sung Thanh tra tỉnh có 32 biên chế. **Lý do:** Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng thuộc Thanh tra tỉnh hiện nay 05 công chức. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 2, Điều 30 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 thì Thanh tra tỉnh là cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh trừ người giữ chức vụ từ Giám đốc Sở và tương đương trở lên. Thanh tra

<sup>12</sup> Quyết định số 1028/QĐ-BNV ngày 30/9/2021 của Bộ Nội vụ.

tỉnh có thêm nhiệm vụ: Quản lý, cập nhật bản kê khai tài sản, thu nhập và các thông tin về kiểm soát tài sản, thu nhập; giữ bí mật thông tin thu thập được trong quá trình kiểm soát tài sản, thu nhập; áp dụng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin có liên quan đến việc kiểm soát tài sản, thu nhập; cung cấp bản kê khai, thông tin, dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị cá nhân có thẩm quyền; trong quá trình kiểm soát tài sản, thu nhập nếu phát hiện hành vi vi phạm pháp luật thì cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập phải chuyển vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết<sup>(13)</sup>. Theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị trước ngày 31/01 hằng năm Chánh Thanh tra tỉnh ban hành kế hoạch xác minh hằng năm sau khi trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nội dung kế hoạch. Kế hoạch xác minh hằng năm phải bảo đảm số cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiến hành xác minh tối thiểu bằng 20% số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và lựa chọn ngẫu nhiên tối thiểu 10% số người có nghĩa vụ kê khai hàng năm tại mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị được xác minh, trong đó có ít nhất 01 người là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị. Như vậy, trung bình hằng năm Thanh tra tỉnh phải xác minh khoảng 50 - 80 bản kê khai tài sản, thu nhập. Với số lượng biên chế của Phòng thanh tra phòng, chống tham nhũng hiện nay 05 người không đủ điều kiện để hoàn thành chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định.

Mặt khác, theo thông Thông tư Liên tịch số 03/2014/TTLT-TTCP-BNV ngày 08/9/2014 của Thanh tra Chính phủ và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thanh tra huyện, thành phố không có nhiệm vụ này. Đề nghị bổ sung 01 biên chế để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được bổ sung.

(3) Sở Tư pháp tăng 01 biên chế, sau khi được bổ sung Sở Tư pháp có 27 biên chế. **Lý do:** Theo Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 21/12/2020 của Bộ Tư pháp quy định hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc UBND cấp tỉnh, phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện và Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thì Sở Tư pháp được bổ sung thêm 03 nhiệm vụ (*quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; hòa giải thương mại; thừa phát lại*). Đề nghị bổ sung 01 biên chế để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được bổ sung.

---

<sup>13</sup> Trong 6 tháng đầu năm 2021 tiếp nhận và kiểm soát kê khai tài sản của 42/42 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; thực hiện bàn giao bản kê khai tài sản thu nhập về Thanh tra tỉnh (cơ quan kiểm soát) với tổng số là 4.617 bản theo quy định. Đồng thời, là đầu mỗi tổng hợp, tiếp nhận các bản kê khai tài sản thu nhập thuộc quyền kiểm soát của Thanh tra Chính phủ (người giữ chức vụ từ Giám đốc Sở và tương đương trở lên) trên địa bàn tỉnh với tổng số 36 bản và bàn giao cho Thanh tra Chính phủ theo quy định.

(4) Sở Tài nguyên và Môi trường tăng 01 biên chế, sau khi được bổ sung Sở Tài nguyên và Môi trường có 40 biên chế. **Lý do:** Do năm 2021 thực hiện sắp xếp số lượng cấp phó theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Sở Tài nguyên và Môi trường tăng 01 cấp phó. Mặt khác, theo khoản 7, Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ, Thông tư số 05/TT-BTNMT ngày 29/5/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Tài nguyên và Môi trường được bổ sung thêm chức năng tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về chất thải rắn. Đề nghị bổ sung 01 biên chế để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được bổ sung.

\* Sau khi giao bổ sung cho các cơ quan, đơn vị còn **35** biên chế để thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2023 - 2025 và dự kiến bổ sung biên chế cho Ban quản lý Khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định tổ chức lại.

*(Có Phụ lục V kèm theo)*

## **2. Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính**

Bộ Nội vụ thẩm định hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính tỉnh Lai Châu năm 2021 là **115** người<sup>(14)</sup>. Năm 2022, Bộ Nội vụ không thẩm định hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Lai Châu. UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh giao hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính năm 2022 là **115** người, trong đó:

- Giữ nguyên 114 người của 20 sở, ngành tỉnh và 08 UBND các huyện, thành phố so với số đã giao năm 2021.

- Tăng 01 người so với số giao năm 2021 để giao bổ sung cho Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh. **Lý do:** Do thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở sáp nhập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, có 15 chức danh lãnh đạo được phục vụ theo quy định<sup>(15)</sup>. Do vậy, để thực hiện tốt công tác lễ tân đề nghị giao thêm 01 hợp đồng lao động Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP làm nhân viên phục vụ cho Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

*(Có Phụ lục VI kèm theo)*

\* Sau khi giao bổ sung 01 hợp đồng 68/2000/NĐ-CP cho Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; tỉnh không còn biên chế dự phòng.

<sup>14</sup> Công văn số 6359/BNV-TCBC ngày 17/12/2019 và Quyết định số 701/QĐ-BNV ngày 05/6/2021 của Bộ Nội vụ.

<sup>15</sup> Gồm Lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh 01 người; lãnh đạo Thường trực HĐND tỉnh 01 người; lãnh đạo các ban của HĐND tỉnh 08 người; lãnh đạo Văn phòng 04 người.

### **3. Biên chế của các Hội có tính chất đặc thù**

UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh giao biên chế trong các tổ chức Hội có tính chất đặc thù năm 2022 là 76 biên chế, giữ nguyên so với số giao năm 2021.

*(Có Phụ lục VII kèm theo)*

Trên đây là Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hội có tính chất đặc thù năm 2021; Kế hoạch biên chế công chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính và biên chế trong các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Lai Châu năm 2022, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, TH8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tổng Thanh Hải**